TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HKII NH 2019-2020

**Tổ: Sinh – CN Môn: CN – Lớp 10**

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1.** Bài 17: Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

Nêu được khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

Nêu được nguyên lí cơ bản và các biện pháp chủ yếu sử dụng trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

**2.** Bài 19: Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường

Nêu được ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

Nêu được các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

**3.** Bài 20: Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật

Nêu được thế nào là chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật.

Nêu được cơ sở khoa học và quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn, vi rút và nấm trừ sâu.

**4.** Bài 40: Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

Nêu mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến thủy sản.

Trong bảo quản cần chú ý đến những đặc điểm nào của thủy sản?

Những yếu tố nào của môi trường ảnh hưởng tới chất lượng thủy sản trong quá trình bảo quản? Theo em, muốn bảo quản tốt thủy sản cần phải làm gì?

**5.** Bài 43: Bảo quản thịt, trứng, sữa và cá

Hãy cho biết một số phương pháp bảo quản thịt.

Nêu một số phương pháp bảo quản trứng.

Nêu một số phương pháp bảo quản cá và quy trình tóm tắt bảo quản cá bằng phương pháp làm lạnh.

**6.** Bài 46: Chế biến sản phẩm chăn nuôi, thủy sản

Nêu một số phương pháp chế biến thịt. gia đình em thường chế biến thịt như thế nào?

Nêu một số phương pháp chế biến cá mà em biết, quy trình chế biến ruốc từ cá tươi.

Mô tả quy trình công nghệ sản xuất sữa bột.

**7.** Bài 49: Bài mở đầu

Khái niệm kinh doanh. Có những lĩnh vực kinh doanh nào?

Thế nào là cơ hôi kinh doanh?

Thị trường là gì và có những loại thị trường nào?

Doanh nghiệp là gì và có những loại doanh nghiệp nào?

Công ti là gì và có những loại công ti nào?

**8.** Bài 50: Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Kinh doanh hộ gia đình có những đặc điểm gì?

Nêu những điều cơ bản trong hoạt động kinh doanh hộ gia đình.

Doanh nghiệp nhỏ có những thuận lợi và khó khăn gì?

Kể tên những lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

**9.** Bài 51: Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

Trình bày các căn cứ lựa chọn lĩnh vực kinh doanh. Thế nào là lĩnh vực kinh doanh phù hợp?

Phân tích các bước tiến hành lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

Ở địa phương em có những lĩnh vực kinh doanh nào? Theo em, lĩnh vực kinh doanh nào là thuận lợi nhất?

**10.** Bài 53: Xác định kế hoạch kinh doanh

Nêu những căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Trình bày nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

Nêu phương pháp xác định kế hoạch bán và mua hàng hóa của doanh nghiệp.

Nêu cách xác định kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

**11.** Bài 54: Thành lập doanh nghiệp

Xây dựng phương án kinh doanh cho một doanh nghiệp gồm những nội dung gì?

Nghiên cứu thị trường doanh nghiệp nhằm mục đích gì?

Trình bày nội dung và quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.

**12.** Bài 55: Quản lí doanh nghiệp

Trình bày đặc điểm của mô hình cấu trúc doanh nghiệp nhỏ.

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp gồm những công việc gì?

Doanh nghiệp có thể huy động vốn từ những nguồn nào?

Hạch toán kinh tế là gì và ý nghĩa của hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp?

Trình bày nội dung và phương pháp xác định các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trình bày các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Biện pháp điều hòa là biện pháp:

A. Giữ cho dịch hại phát triển ở một mức độ nhất định.

B. Dùng ánh sáng, bẫy, mùi, vị để phòng trừ dịch hại.

C. Sử dụng các loài thiên địch để phòng trừ dịch hại.

D. Chọn và trồng các loại cây khỏe mạnh.

Câu 2: Tác hại của thuốc bảo vệ thực vật:

A. Gây ô nhiễm đất, nước, không khí, phá vỡ cân bằng sinh thái, phát sinh những dòng đột biến có lợi. Gây bệnh hiểm nghèo cho người.

B. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, bảo vệ những loài sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người.

C. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, phát sinh đột biến kháng thuốc, diệt trừ các quần thể sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người.

D. Rau màu xanh tốt, chất lượng sản phẩm nâng cao, nhưng ô nhiễm môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái.

Câu 3: Chế phẩm virut được sản xuất trên cơ thể:

A. Sâu trưởng thành. B. Sâu non. C. Nấm phấn trắng. D. Côn trùng.

Câu 4: Sâu bị nhiễm chế phẩm *Bt,* thì cơ thể sẽ:

A. trương phồng lên, nứt ra bộc lộ lớp bụi trắng như bi rắc bột.

B. bị tê liệt, không ăn uống rồi chết.

C. cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết.

D. mềm nhũn rồi chết.

Câu 5: Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng là:

A. Cải tạo đất, gieo trồng đúng thời vụ.

B. Phun thuốc bảo vệ thực vật thường xuyên.

C. Chọn tạo các giống cây trồng khỏe mạnh.

D. Sử dụng phối hợp các biện pháp phòng trừ một cách hợp lý.

Câu 6: Khi nào sâu bệnh phát triển thành dịch?

A. Sâu bệnh có đủ thành phần gen.

B. Sâu bệnh đủ vật chất di truyền.

C. Sâu bệnh đủ thức ăn và gặp điều kiện môi trường thuận lợi.

D. Sâu, bệnh có đủ thức ăn.

Câu 7: Trường hợp nào sau *không* phải là biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học:

A. Sử dụng thuốc có tính chọn lọc cao và phân giải nhanh.

B. Dùng đúng loại thuốc, đúng nồng độ và liều, đúng thời điểm.

C. Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

D. Cứ xuất hiện sâu, bệnh là dùng thuốc hoá học.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây *không* là của nông, lâm, thủy sản?

A. Dễ bị vi sinh vật xâm nhiễm gây thối hỏng.

B. Đa số nông sản, thủy sản chứa nhiều nước.

C. Lâm sản chứa chủ yếu là chất xơ.

D. Nông sản, thủy sản chứa chủ yếu là chất xơ.

Câu 9: Mục đích của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản là:

A. Duy trì những đặc tính ban đầu. C. Để buôn bán .

B. Để làm giống. D. Để nâng cao giá trị.

Câu 10: Mục đích của công tác chế biến N-L-T là:

A. Để làm giống. B. Duy trì, nâng cao chất lượng.

C. Duy trì những đặc tính ban đầu. D.Tránh bị hư hỏng.

Câu 11: Quy trình công nghệ chế biến rau, quả theo phương pháp đóng hộp gồm mấy bước?

A. 13. B. 12. C. 14. D. 11.

Câu 12: Quy trình chế biến gạo từ thóc gồm mấy bước?

A. 8. B. 7. C. 5. D. 6.

Câu 13: Loại lâm sản nào chiếm tỉ trọng lớn trong chế biến lâm sản?

A. Tre. B. Nứa. C. Gỗ. D. Mây.

Câu 14: Quy trình công nghệ chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt gồm mấy bước?

A. 13. B. 14. C. 12. D. 11.

Câu 15: Quy trình công nghệ chế biến chè xanh quy mô công nghiệp gồm mấy bước?

A. 8. B. 7. C. 5. D. 6.

Câu 16: Có mấy phương pháp chế biến chè?

A. 3 B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 17:  Nhận định nào sau đây *không* chính xác:

 A. Độ ẩm không khí thấp quá giới hạn cho phép làm cho nông sản ẩm trở lại, thuận lợi cho VSV và côn trùng phát triển.

B. Nông, lâm, thủy sản thường chứa nhiều nước, dễ bị VSV xâm nhiễm, gây thối hỏng, nên khó bảo quản lâu dài.

C. Bảo quản nông, lâm, thủy sản nhằm hạn chế tổn thất về số lượng và chất lượng.

D. Các loài VSV, côn trùng … khi gặp điều kiện môi trường thích hợp, chúng sẽ phá hoại nông, lâm, thủy sản.

Câu 18:  Điều kiện để bảo quản hạt giống trung hạn là:

A. Lạnh (0 0C), độ ẩm từ 35 – 40 %. B. Lạnh (-10 0C), độ ẩm từ 35 – 40%.

C. Lạnh (0 0C), độ ẩm 60 – 70 %. D. Điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường.

Câu 19: Hạt để làm giống cần có các tiêu chuẩn sau:

A. Chất lượng tốt, thuần chủng, không sâu bệnh. B. Khô, sức sống tốt, không sâu bệnh.

C. Sức sống cao, không sâu bệnh. D. Sức chống chịu cao, khô, thuần chủng.

Câu 20: Quy trình bảo quản rau, hoa, quả tươi bằng phương pháp lạnh theo trình tự:

A. Thu hái 🡪 chọn lựa 🡪 làm sạch 🡪 làm ráo nước 🡪 bao gói 🡪 bảo quản lạnh🡪 sử dụng

B. Chọn lựa 🡪thu hái 🡪 làm sạch 🡪 làm ráo nước 🡪 bao gói 🡪 bảo quản lạnh🡪 sử dụng

C. Thu hái 🡪 chọn lựa 🡪 làm sạch 🡪 làm ráo nước 🡪 bảo quản lạnh🡪 sử dụng

D. Chọn lựa 🡪thu hái 🡪 làm sạch 🡪 làm ráo nước 🡪 bảo quản lạnh🡪 sử dụng

Câu 21: Thóc, ngô, sắn trước khi đưa vào kho bảo quản cần phải làm khô để:

A. Giảm hoạt động hô hấp, hạn chế vi sinh vật xâm nhiễm.

B. Giữ được chất lượng ban đầu của sản phẩm.

C. Hạn chế tác động của điều kiện nhiệt độ, độ ẩm lên sản phẩm.

D. Dễ dàng bảo quản và dễ đóng gói thuận lợi cho công tác bảo quản.

Câu 22: Gầm thông gió của kho bảo quản lương thực có ý nghĩa gì?

A. Hạn chế sự tăng nhiệt, tránh ngập lụt, tránh sự tăng độ ẩm trong kho.

B. Hạn chế tác động của điều kiện nhiệt độ, độ ẩm.

C. Hạn chế sự phá hại của sinh vật: chim, sâu bọ, chuột…

D. Hạn chế sự xâm nhập của vi sinh vật tránh cho lương thực bị mốc.

Câu 23: Trong quy trình bảo quản thịt bằng phương pháp lạnh, *làm lạnh sản phẩm* là bước thứ:

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 24: Ý nào sau đây *không phải* là ưu điểm của phương pháp bảo quản thịt bằng ướp muối?

A. Duy trì được nhiều tính chất ban đầu của thịt. B. Dễ thực hiện.

C. Hao hụt dinh dưỡng ít. D. Ít tốn kém.

Câu 25: Trong phương pháp chế biến xirô từ quả cần chú ý điều gì?

A. Dành một phần đường để phủ kín lớp quả trên cùng.

B. Phải cho thêm một chút muối.

C. Phải dùng lọ thuỷ tinh.

D. Sau 20 – 30 ngày mới được dùng.

Câu 26: Trong phương pháp làm sữa chua (trước khi cho men mồi vào), dung dịch sữa pha có nhiệt độ bao nhiêu là tốt nhất?

A. 40 – 50 0C. B. 20 – 30 0C. C. 50 – 60 0C. D. 25 – 35 0C.

Câu 27: Họat động nào sau đây *không* được xem là họat động kinh doanh?

A. Tiêu thụ sản phẩm. B. Sản xuất. C. Thương mại. D. Dịch vụ.

Câu 28: Thành viên của công ti cổ phần gọi là:

A. Cổ đông. B. Cổ phần. C. Thành viên hội đồng quản trị. D. Sáng lập viên công ti.

Câu 29: Nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua là:

 A. Thị phần. B. Thị trường. C. Thị trấn. D. Cửa hàng.

Câu 30: Thị trường hàng hóa gồm:

 A. Hàng điện máy, vận tải, nông sản. B. Hàng điện máy, du lịch, nông sản.

 C. Du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông. D. Hàng điện máy, nông sản, vật tư nông nghiệp.

Câu 31: Doanh nghiệp có chủ là một cá nhân là:

 A. Doanh nghiệp nhà nước. B. Doanh nghiệp tư nhân. C. Công ty. D. Hợp tác xã.

Câu 32: Phần vốn góp của các thành viên phải được đóng đủ ngay từ khi thành lập công ty là:

 A. Doanh nghiệp nhà nước. B. Doanh nghiệp tư nhân.

 C. Công ty trách nhiệm hữu hạn. D. Công ty cổ phần.

Câu 33: Đặc điểm nào *không* phải của kinh doanh hộ gia đình:

A. Quy mô kinh doanh nhỏ. B. Công nghệ kinh doanh đơn giản.

C. Doanh thu không lớn. D. Là một loại hình kinh doanh nhỏ.

Câu 34: Tiêu chí doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam về vốn đăng kí kinh doanh là:

A. Không quá 10 tỉ đồng. B. Không quá 10 triệu đồng.

C. Không quá 1 tỉ đồng. D. Không quá 15 tỉ đồng.

Câu 35: Ở các thành phố, các khu đô thị nên lựa chọn lĩnh vực kinh doanh:

A. Dịch vụ sửa chữa. B. Dịch vụ may mặc

C. Thương mại, dịch vụ. D. Thương mại

 Câu 36: Nhu cầu làm giàu cho bản thân và có ích cho xã hội là:

 A. Mục tiêu kinh doanh. B. Ý tưởng kinh doanh.

 C. Căn cứ lập kế hoạch kinh doanh. D. Thương mại.

Câu 37: Hồ sơ đăng kí kinh doanh *không* bao gồm:

 A. Đơn đăng kí kinh doanh. B. Điều lệ hoạt động doanh nghiệp.

 C. Xác nhận vốn đăng kí kinh doanh. D. Sơ yếu lí lịch bản thân.

Câu 38: Đơn đăng kí kinh doanh bao gồm bao nhiêu nội dung:

A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

Câu 39: Ngành sản xuất *không phải* là:

A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Tiểu thủ công nghiệp. D. Vũ trụ.

Câu 40: Công thức: Năng lực sản xuất 1 tháng nhân số tháng là công thức tính kế hoạch:

A. Sản xuất. B. Vốn kinh doanh. C. Mua hàng. D. Bán hàng.

Câu 41:Một doanh nghiệp X có năng lực sản xuất 8000 sản phẩm/tháng. Vậy kế hoạch sản xuất 1 năm của doanh nghiệp X là:

 A. 8000 sản phẩm. B. 1600 sản phẩm. C. 96000 sản phẩm. D. 80000 sản phẩm.

Câu 42: Doanh nghiệp X tháng rồi nhập 200 sản phẩm, bán ra 180 sản phẩm, kế hoạch bán hàng tháng này là 180 sản phẩm. Vậy số sản phẩm cần mua theo kế hoạch là:

 A. 180. B. 200. C. 160. D. 220.

Câu 43: Gia đình chị H kinh doanh quạt điện, mỗi ngày bán được 10 cái. Như vậy kế hoạch mua gom mặt hàng mỗi năm đủ để bán ra là:

A. 3000 cái. B. 3650 cái. C. 2000 cái. D. 300 cái.

Câu 44: Họat động nào sau đây *không* được xem là họat động kinh doanh?

A. Tiêu thụ sản phẩm. B. Sản xuất. C. Thương mại. D. Dịch vụ.

Câu 45: Thành viên của công ti cổ phần gọi là:

A. Cổ đông. B. Cổ phần.

C. Thành viên hội đồng quản trị. D. Sáng lập viên công ti.

Câu 46: Cửa hàng sửa chữa xe gắn máy thuộc lĩnh vực kinh doanh:

A. Dịch vụ. B. Thương mại. C. Sản xuất. D. Đa lĩnh vực.

Câu 47: Việc dễ dàng đổi mới công nghệ chính là thuận lợi Iủa:

A. Doanh nghiệp nhỏ. B. Công ti cổ phần. C. Tập đoàn kinh tế. D. Công ti đa quốc gia.

Câu 48: Doanh nghiệp phải có ít nhất là bảy thành viên gọi là:

A. Công ti cổ phần. B. Doanh nghiệp tư nhân.

C. Doanh nghiệp Nhà nước. D. Công ti TNHH.

Câu 49: Yếu tố nào *không* dùng để đánh giá khả năng của doanh nghiệp?

A. Khả năng tìm kiếm khách hàng truyền thống.                     B. Cơ sở vật chất.

C. Khả năng tổ chức.                                                                D. Khả năng tài chính.

Câu 50: Vốn điều lệ là:

A. Vốn do các thành viên đóng góp.                          B. Vốn vay từ ngân hàng.

C. Số tiền quy định phải có khi thành lập.     D. Vốn của chủ doanh nghiệp.

Câu 51: “Yêu cầu các bộ phận, các cá nhân trong doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi nội quy, quy chế của doanh nghiệp” Đây là đặc trưng nào trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp?

A. Tính tiêu chuẩn hóa.       B. Tính chuyên môn hóa.   C. Tính tập trung.        D. Tính tập thể.

Câu 52:  Để đảm bảo các kế hoạch kinh doanh được thực hiện tốt thì doanh nghiệp cần phải:

 A. Theo dõi thực hiện kế hoạch kinh doanh. B. Tăng tiền thưởng.

C. Tăng thời gian nghỉ cho nhân viên.              D. Tuyển thêm nhiều nhân sự.

Câu 53:  Anh B trồng nhãn. Mỗi năm thu hoạch 3000 kg nhãn các loại, 10% để lại dùng trong gia đình, anh thường bán ra thị trường theo kế hoạch là:

 A. 2700 kg. B. 2550 kg. C. 3000 kg. D. 300 kg

Câu 54:  Tiêu chí quy định đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam là:

A. Vốn kinh doanh không quá 10 tỉ đồng, lao động trung bình hằng năm không quá 300 người.

B. Vốn kinh doanh không quá 10 tỉ đồng, lao động trung bình hằng năm không quá 100 người.

C. Vốn kinh doanh không quá 1 tỉ đồng, lao động trung bình hằng năm không quá 100 người.

D. Vốn kinh doanh không quá 1 tỉ đồng, lao động trung bình hằng năm không quá 300 người.

Câu 55:  Hoạch toán kinh tế là:

A. Việc tính toán chi phí và doanh thu cuả doanh nghiệp.

B. Việc thu ngân và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

C. Việc điều chỉnh thu, chi của doanh nghiệp.

D. Tính toán kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Câu 56:  Cửa hàng X chuyên bán đồ trang trí nội thất. Cửa hàng này kinh doanh thuộc lĩnh vực:

A. Thương mại. B. Sản xuất nông nghiệp. C. Sản xuất công nghiệp. D. Dịch vụ.

Câu 57:  Doanh nghiệp thương mại mỗi tháng bán được 1000 sản phẩm A và 500 sản phẩm B, giá bán bình quân của một sản phẩm A là 25 000 đồng và sản phẩm B là 20 000 đồng. Vậy doanh thu của doanh nghiệp trong 1 tháng là:

A. 35 000 000 đồng. B. 10 000 000 đồng.

C. 30 000 000 đồng. D. 420 000 000 đồng.

Câu 58: Những quy định nào sau đây *không* thuộc quy định của công ty trách nhiệm hữu hạn:

A. Công ty có thể phát hành chứng khoán.

B. Công ty không được phát hành bất cứ một loại chứng khoán nào.

C. Việc chuyển nhượng vốn giữa các thành viên được thực hiện tự do.

D. Việc chuyển nhượng vốn cho người khác không phải là thành viên phải được sự nhất trí của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 3/¾ số vốn điều lệ.

Câu 59: Doanh nghiệp *không thể* huy động vốn kinh doanh từ nguồn nào?

A. Vốn từ khách hàng. B. Vốn của chủ doanh nghiệp.

C. Vốn của các thành viên trong doanh nghiệp. D. Vốn của nhà cung ứng, vốn vay.

Câu 60: Đặc điểm nào sau đây *không phải* là đặc điểm kinh doanh hộ gia đình:

A. Thuộc sở hữu nhà nước. B. Quy mô kinh doanh nhỏ.

C. Lao động thường là thân nhân trong gia đình. D. Công nghệ kinh doanh đơn giản.

Câu 61: Kế hoạch vốn kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

A. Vốn hàng hoá + tiền công + tiền thuế. B. Vốn của bản thân gia đình.

C. Vốn vay ngân hàng, vay khác. D. Vốn của chủ doanh nghiệp

Câu 62: Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá của công ti A trong 1 năm đạt 100 tỉ đồng. Tổng chi phí kinh doanh trong 1 năm khoảng 92 tỉ đồng. Vậy lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp này là:

A. 8 tỉ đồng. B. 0,8 tỉ đồng. C. 18 tỉ đồng. D.1,8 tỉ đồng.

Câu 63: Gia đình chị H kinh doanh quạt điện, mỗi ngày bán được 15 cái. Như vậy kế hoạch mua gom mặt hàng mỗi tháng đủ để bán ra là:

A. 450 cái. B. 3000 cái. C. 30 cái. D. 300 cái.

----- HẾT -----